TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2024/HNGĐ-ST
Ngày 29-11-2024
V/v: Ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG

-Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Thân Trọng Khôi
Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Vinh
Ông Nguyễn Văn Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Tĩnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Mạnh Sỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 29/11/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 310/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2024 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 185/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/10/2024. Quyết định hoãn phiên toà số 41/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15/11/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1993 (vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt);
Nơi cư trú: Thôn G, xã X, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1990 (vắng mặt);
Nơi cư trú: Thôn C, xã X, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày*: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn H ngày 25/10/2013, trước khi cưới có được tìm hiểu, tự nguyện thỏa thuận đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến tháng 7/2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, nên trong cuộc sống và trong công việc làm ăn hàng ngày vợ chồng thường sảy ra mâu thuẫn cãi nhau không đồng nhất quan điểm, không hòa thuận được để xây dựng hạnh phúc gia đình. Vợ chồng sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ với nhau từ tháng 7/2023. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn chị thiết tha xin được ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Văn H1, sinh ngày 20/8/2014 và Nguyễn Tường V, sinh ngày 04/01/2017. Hiện các con đang ở cùng anh H, các con khỏe mạnh và phát triển bình thường. Nay ly hôn chị xin được nuôi con chung là Nguyễn Tường V, còn để anh H nuôi con chung là Nguyễn Văn H1, không đề nghị Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị đang làm công nhân tại Công ty DAEHWAVINA, thu nhập bình quân 8.000.000đ/1 tháng, chị đang ở nhờ gia đình bố mẹ đẻ tại thôn G, xã X, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, điều kiện kinh tế gia đình bình thường, đảm bảo cho việc ăn ở và sinh hoạt, nếu được nuôi con chị cam đoan sẽ đảm bảo việc chăm sóc và nuôi dưỡng con tốt.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản gì đáng giá, nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày: Chị T trình bày về thời gian kết hôn là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Ngày 08/4/2023 chị T tự bỏ nhà đi, nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn anh đồng ý ly hôn chị T. Về con chung: Như chị T trình bày là đúng, nay ly hôn anh xin nuôi cả hai con, không đề nghị Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản gì đáng giá, nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà hôm nay chị T vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Anh H vắng mặt, mặc dù đã được Toà án thông báo phiên toà hợp lệ đến lần thứ hai.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với đương sự là nguyên đơn, trong suốt quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, chị T vắng mặt có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt mặc dù đã được Toà án thông báo phiên toà hợp lệ đến lần thứ hai. Do vậy, đề nghị HĐXX tiếp tục xét xử vụ án theo quy định của pháp luật; đề nghị căn cứ các Điều 28, 35, 147, 227, 235, 264, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26, 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng tiền án phí, lệ phí Tòa án. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn H. Về nuôi con chung: Xử giao chị Trần Thị T nuôi con chung là Nguyễn Tường V, sinh ngày 04/01/2017. Giao anh Nguyễn Văn H nuôi con chung là Nguyễn Văn H1, sinh ngày 20/8/2014. Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản: Chị T, anh H không đề nghị Toà án giải quyết, nên đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết. Ngoài ra còn đề nghị xử lý án phí, tuyên quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu đầy đủ, toàn diện các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm vấn công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, phạm vi khởi kiện, thẩm quyền giải quyết và thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Trần Thị T khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Văn H, nơi cư trú: Thôn C, xã X, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Nội dung: Chị T xin được ly hôn, đề nghị giải quyết về con chung, không đề nghị giải quyết về cấp dưỡng nuôi

con và tài sản. Như vậy đây là quan hệ pháp luật tranh chấp hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.1] Thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay chị T vắng mặt có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt mặc dù đã được Toà án thông báo phiên toà hợp lệ đến lần thứ hai, nên HĐXX căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiếp tục xét xử vụ án theo pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Văn H số 92 ngày 25/10/2013, tại UBND xã X, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận đến đầu năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, nên trong cuộc sống vợ chồng thường bất đồng quan điểm dẫn đến cãi nhau, không hòa thuận được để cùng xây dựng hạnh phúc gia đình. Vợ chồng sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ với nhau từ tháng 7/2023. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn cả chị T và anh H đều xin được ly hôn. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay chị T vắng mặt có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt mặc dù đã được Toà án thông báo phiên toà hợp lệ đến lần thứ hai. HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã diễn ra căng thẳng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy cần xử cho chị T được ly hôn anh H. Xét là phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về nuôi con chung: Quá trình chung sống chị T và anh H sinh được hai con chung là Nguyễn Văn H1, sinh ngày 20/8/2014 và Nguyễn Tường V, sinh ngày 04/01/2017. Hiện các con đang ở cùng anh H, các cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường. Quá trình giải quyết vụ án, quan điểm của chị T xin được nuôi con chung là Nguyễn Tường V, còn để anh H nuôi con chung là Nguyễn Văn H1. Nhưng phía anh H không đồng ý, mà quan điểm của anh H xin được nuôi cả hai con chung. HĐXX xét thấy, việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là trách nhiệm, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con sinh ra. Căn cứ các tài liệu các bên cung cấp, qua xác minh tại địa phương, xác định được chị T và anh H đều có điều kiện nuôi con như nhau. Cháu Nguyễn Văn H1 14 tuổi có nguyện vọng muốn ở với bố. Cháu Nguyễn Tường V 07 tuổi ban đầu khai muốn ở với bố, tuy nhiên sau đó cháu trình bày lại có nguyện vọng muốn ở với mẹ. HĐXX xét thấy, cháu V còn nhỏ mới tròn bẩy tuổi, nên cần đến sự chăm sóc của mẹ nhiều hơn, gia đình chị T và gia đình anh H ở cùng xã X, khác thôn nhưng gần nhà nhau. Nên để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con trẻ, giúp các cháu được phát triển bình thường, phù hợp với nguyện vọng của con trẻ, tạo điều kiện cho bố mẹ có thời gian, vật chất chăm sóc nuôi dưỡng con tốt hơn. Cần giao chị T nuôi một con chung là cháu Nguyễn Tường V. Giao anh H nuôi một con chung là cháu Nguyễn Văn H.

[3.1] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T, anh H không đề nghị Toà án giải quyết, nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết. Nếu sau này có sảy ra tranh chấp về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, hoặc đề nghị góp cấp dưỡng nuôi con, thì Toà án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[3.2] Sau khi ly hôn, anh H, chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực

tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Xét là phù hợp Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về chia tài sản: Quá trình giải quyết vụ án cả chị T và anh H đều không đề nghị Tòa án giải quyết, nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết. Nếu sau này các bên có xảy ra tranh chấp về tài sản, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 147, 227, 235, 264, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 26, 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng tiền án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

2. Về nuôi con chung: Xử giao chị Trần Thị T nuôi con chung là Nguyễn Tường V, sinh ngày 04/01/2017. Giao anh Nguyễn Văn H nuôi con chung là Nguyễn Văn H1, sinh ngày 20/8/2014. Không đề nghị Toà án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Anh H, chị T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn, không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về chia tài sản: Không đề nghị giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007824 ngày 07/10/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạng Giang.

Các đương sự vắng mặt tại phiên toà, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

Án xử sơ thẩm công khai./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang.
- VKSND huyện Lạng Giang
- Chi cục THA huyện Lạng Giang
- UBND xã X, Lạng Giang, Bắc Giang.
- Các đương sự
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Thân Trọng Khôi